TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HSST
Ngày 18 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Anh T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H

Ông Đào Văn K

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích N - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Ngọc T; Tên gọi khác: Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T; Sinh ngày 22/02/1966 tại V, P; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Tổ 22,khu 8 phường Th, thành phố V, tỉnh P; Chỗ ở: 134, Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Đỗ Văn Lô(đã chết) và bà Đỗ Thị Th (đã chết); Có vợ là Bùi Thị T (tên gọi khác Bùi Thị Hồng H), sinh năm 1966, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giữ từ ngày 24/10/2022 đến ngày 30/10/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/1991, Đỗ Ngọc T được Bùi Đình B, sinh năm 1959, trú tại phố Thanh Bình, phường Th, thành phố V, tỉnh P (B là anh trai vợ của T) rủ T cùng đi cắt trộm dây truyền tải điện của nhà nước ở một số tuyến đường điện trên địa bàn thành phố V. B thống nhất với T: số tiền bán được tài sản trộm cắp sẽ chia đều cho tất cả những người cùng tham gia, T đồng ý. Từ tháng 12/1991 đến tháng 02/1992, T đã

cùng B, Kim Ngọc Thanh, sinh năm 1960 và Bùi Văn Ngọc, sinh năm 1962, đều trú tại phường Th, thành phố V tham gia 12 vụ cắt trộm dây truyền tải điện (trong tổng số 22 vụ cắt trộm B, Thanh, Ngọc thực hiện từ tháng 11/1991 đến tháng 02/1992), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiều 11/12/1991, B phát hiện đường dây cáp lõi đồng cao su ở bên ngoài tường nhà máy mỳ chính V (nay là công ty trách nhiệm hữu hạn Daesang Việt Nam, địa chỉ: phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố V, tỉnh P). B, Thanh, Ngọc bàn nhau thống nhất sẽ tiến hành cắt trộm đường dây trên. Đến khoảng 2 giờ sáng ngày 12/12/1991, B cùng Ngọc, Thanh, T đi đến địa điểm trên. B đem theo 01 cưa sắt, 01 đục tràng, 01 kìm điện, Thanh đem 01 kìm điện. Khi tới nơi, B vít dây cáp ở đầu tường xuống rồi dùng cưa sắt cưa đứt 25m dây điện 4 lõi đồng. Sau đó B, Thanh, T, Ngọc kéo đoạn dây cáp ra xa vị trí vừa cắt và cắt thành 04 đoạn. Sau đó, tất cả cùng nhau mang về nhà B, bóc bỏ vỏ, cắt ngắn từng đoạn. Số tài sản trên, tất cả bán được 300.000 đồng, chia nhau mỗi người 60.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của nhà máy mỳ chính V là 1.062.500 đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 1 giờ ngày 19/12/1991, Thanh, B, Ngọc, T cùng đi bộ đến khu vực đường dây điện từ ngã ba Gia Cẩm đi bến xe khách (Nay là dọc đường đại lộ Hùng Vương thuộc phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh P). Đường dây này do Thanh và Ngọc phát hiện từ trước. Ngọc và B mang theo 02 kìm điện, Thanh đem 01 cưa sắt. Khi đến nơi, Thanh trèo lên cột đầu nguồn điện cắt đứt 4 dây tầng dưới, B đến cột tiếp theo cắt đứt 04 dây. Tổng số dây cắt trộm được là 160m loại AC35. Số dây này T đem về nhà trước. Còn B, Ngọc, Thanh tiếp tục đi đến gần trạm bơm xã Minh Nông cắt trộm 240m dây loại AC95, 80m loại dây A25. Tất cả số dây này, sau khi bán, mỗi người được chia 50.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp xã Minh Nông là 6.026.000 đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 2 giờ ngày 21/12/1991, T, Ngọc, B, Thanh đi đến khu vực đường dây 220V từ sân vận động V đến quán phường Thọ Sơn (nay là dọc đường đại lộ Hùng Vương thuộc phường Thọ Sơn, thành phố V, tỉnh P. Đường dây này do Thanh và Ngọc phát hiện từ trước. T mang theo 02 kìm điện. Khi đến nơi, B trèo lên cột cắt đứt 02 dây rơi xuống đất. Thanh đến cột cao đứng dưới đất bẻ gãy 2 dây không có lõi sắt, Ngọc trèo lên cột cao cắt đứt 02 dây rồi cuốn lại cho T mang về nhà trước. Sau đó, Thanh, B, Ngọc đi ngược cửa sân vận động đến chỗ bán cây cảnh của Công ty đô thị. Thanh trèo lên cột cắt đứt 3 dây nhôm có lõi sắt ở làn dưới của cột điện, B đi đến 1 cột đứng dưới cắt với đứt 3 dây, Ngọc đến cột tiếp theo cột B cắt, đứng dưới cắt đứt 3 dây. Số dây cắt được, tất cả mang về nhà T. Tổng số dây trộm cắp là 400m loại A35. Số dây trên, các đối tượng bán được 300.000 đồng, mỗi người chia nhau 55.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Sở điện lực Vĩnh Phú, nay là Công ty điện lực P là 1.475.178 đồng).

Vụ thứ tư: Chiều ngày 23/12/1991, T cùng Thanh, B, Ngọc ngồi ở nhà B bàn nhau cắt trộm đường dây cáp cao su lõi đồng của Hợp tác xã công nghiệp Hợp Nhất, phường Th (nay đã giải thể). T chuẩn bị 02 sợi dây nối. Đến rạng sáng ngày 24/12/1991, tất cả cùng đi đến địa điểm trên. Thanh và Ngọc thay dây nối, còn B và T

trèo lên 02 cột ở 2 đầu cắt đứt đoạn dây cáp đồng và sợi dây treo. Sau đó, các đối tượng cuốn dây cáp đồng và khiêng về nhà B bóc bỏ vỏ cao su, cắt ngắn lõi đồng từng đoạn. Tổng số dây các đối tượng trộm cắp là 25m 4 lõi đồng. Số dây trên, các đối tượng bán được 250.000 đồng, trừ tiền ăn uống, mỗi người chia nhau 50.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã công nghiệp Hợp nhất là 1.000.000 đồng).

Vụ thứ 5: Khoảng 2 giờ ngày 25/12/1991, T, B, Thanh, Ngọc cùng đi đến khu vực đường dây điện từ cánh đồng lên đồi cây xã Dữu Lâu (đường dây này T và B đã quan sát từ trước). Khi đi, tất cả mang theo 02 kìm điện, 01 cưa sắt. Đến nơi, Thanh phát hiện làn dưới có 3 dây, làn trên có 4 dây. Thanh dùng cưa sắt cưa đứt 3 dây làn dưới và 3 dây ở cột cuối cùng rồi tất cả cuộn lại đem về nhà B và cắt ngắn từng đoạn. Số dây các đối tượng trộm cắp lần này là 240m loại AC 50. Số dây trên các đối tượng bán chia nhau mỗi người được 50.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp Quế H, xã Dữu Lâu (nay đã giải thể) là 2.862.000 đồng).

Vụ thứ 6: Khoảng 2 giờ ngày 27/12/1991, T, B, Thanh, Ngọc đến khu vực đường dây cao thế 6KV vào trường quân sự tỉnh (nay thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh P). Thanh mang theo 02 đoạn dây cáp nhôm, mỗi đoạn dài 1m, 01 kìm; Ngọc đem theo 01 cưa sắt. Khi đến địa điểm, T trèo lên cột điện đầu nguồn cắt đứt 2 dây làn dưới rơi xuống và móc điện từ sợi dây không cắt nối xuống 2 sợi dây vừa cắt đứt làm cho 3 pha đầu có điện. Sau đó, tất cả cùng nhau cuộn dây mang về nhà B cắt ngắn từng đoạn. Tổng số dây các đối tượng trộm cắp là 400m loại A035. Số dây trên, các đối tượng bán được 350.000 đồng, trừ ăn uống còn lại chia nhau mỗi người được 80.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Sở điện lực Vĩnh Phú - nay là Công ty điện lực P là 153.849.400 đồng).

Vụ thứ 7: Rạng sáng ngày 07/01/1992, T, B, Thanh, Ngọc bàn nhau cắt trộm dây điện vào trạm bơm xã Minh Nông. Các đối tượng đem theo 03 kìm. Khi đến nơi, Ngọc trèo lên cột điện cắt đứt 4 dây rơi xuống, T, B trèo lên các cột tiếp theo cắt đứt 4 dây rơi xuống. Sau đó, tất cả cuộn thành 4 cuộn và đem về nhà T cắt ngắn từng đoạn. Số dây các đối tượng cắt được là 312m dây AC95 và A25. Số dây trên, các đối tượng bán chia nhau mỗi người được 80.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp Minh Nông là 4.182.000 đồng).

Vụ thứ 8: Khoảng 1 giờ ngày 12/01/1992, T, B, Thanh, Ngọc đi đến khu vực đường dây điện cao thế 6KV vào trạm bơm Dữu Lâu. Khi đi, các đối tượng mang theo 01 cưa sắt, 01 kìm điện. Thanh trèo lên cột đầu nguồn điện và cắt đứt 02 dây làn dưới rơi xuống, B dùng cưa trèo lên cột tiếp theo cắt đứt 2 dây rồi tất cả cùng cuốn dây đem về nhà B và cắt ngắn thành từng đoạn. Tổng số dây các đối tượng cắt được là 600m loại AC35. Số dây này các đối tượng bán được 300.000 đồng, sau khi trừ ăn uống mỗi người được chia 70.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Sở điện lực Vĩnh Phú - nay là Công ty điện lực P là 153.849.400 đồng).

Vụ thứ 9: Khoảng 1 giờ ngày 26/01/1992, T, B, Thanh, Ngọc cùng đi đến khu vực đường dây nhôm tải điện của xã Dữu Lâu (đoạn dây từ cánh đồng lên đồi cây mà các đối tượng đã cắt trộm vào ngày 25/12/1991). Các đối tượng mang theo 01 cưa sắt, 02 kìm điện. Khi đến nơi, Thanh trèo lên cột điện đầu nguồn cắt đứt 4 dây rơi xuống. Ngọc, T, B mỗi người trèo lên một cột gỡ dây ra khỏi trụ sứ và cắt đứt 4 dây rơi xuống. Sau đó, tất cả cùng cuộn lại và mang về nhà Thanh cắt ngắn từng đoạn. Tổng số dây các đối tượng cắt được là 640m dây loại AC50. Số dây này các đối tượng bán chia nhau mỗi người được chia 80.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp Quế H, xã Dữu Lâu (nay đã giải thể) là 2.862.000 đồng).

Vụ thứ 10: Khoảng 2 giờ ngày 23/02/1992, T, B, Thanh, Ngọc đi đến khu vực đường dây từ ngã 4 Long Châu Sa vào Sở nông lâm gần Công an phường Thọ Sơn. Các đối tượng mang theo 3 kìm điện. Khi đến nơi, B trèo lên cột đầu nguồn cắt đứt 3 dây, Thanh trèo lên cột tiếp theo cắt đứt 1 dây mà B chưa cắt, Ngọc trèo lên cột thứ 3 gỡ dây ra khỏi trụ sứ, B đến cột thứ 4 đứng dưới cắt với đứt cả 4 dây đó và tiếp tục trèo lên cột thứ 4 cắt đứt 2 dây nữa. Thanh chạy đến cột thứ 5 cắt đứt 2 dây B vừa cắt. Sau đó, các đối tượng cuộn lại và đem về nhà T cắt ngắn từng đoạn. Tổng số dây các đối tượng cắt được là 520m loại AC35. Số dây này các đối tượng bán chia nhau mỗi người được 80.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Công ty quản lý đô thị V là 1.475.000 đồng).

Vụ thứ 11: Khoảng 2 giờ ngày 24/02/1992, T, B, Thanh, Ngọc đi đến khu vực đường dây 220V trước cửa hàng lương thực phường Th (đường dây này do Ngọc phát hiện từ trước). Các đối tượng mang theo 02 kìm điện. Khi đến nơi, B trèo lên cột đầu nguồn cắt đứt 4 dây rơi xuống, Ngọc đứng dưới ở cột tiếp theo cắt với đứt 4 dây rồi cuộn lại đem về nhà T. Số dây các đối tượng cắt được là 100m loại A16. Số dây này các đối tượng bán được 35.000 đồng và cùng nhau ăn uống hết. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Sở điện lực Vĩnh Phú - nay là Công ty điện lực P là 150.000 đồng).

Vụ thứ 12: Khoảng 2 giờ ngày 27/02/1992, T, B, Thanh, Ngọc cùng đi đến khu vực đường dây trạm bơm Cầu Đá xã Trưng Vương. Các đối tượng mang theo 02 kìm điện. Khi đến nơi, B trèo lên đầu nguồn điện cắt đứt 3 dây rơi xuống, Ngọc trèo lên cột tiếp theo gỡ dây ra khỏi trụ sứ, Thanh đứng dưới cắt với đứt 3 dây ở cột cuối cùng. Sau đó, tất cả cuộn số dây trên lại và mang về nhà T cắt ngắn thành từng đoạn. Số dây các đối tượng cắt được là 480m loại AC 35. Số tiền bán dây các đối tượng chưa kịp chia thì B, Ngọc, Thanh bị Công an thành phố V bắt giữ. Còn T bỏ trốn khỏi địa pH. (Giá trị thiệt hại theo báo cáo của Hợp tác xã nông nghiệp Lâu Thượng xã Trưng Vương là 2.267.000 đồng).

Từ tháng 11/1991 đến tháng 2/1992, Công an thành phố V ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Đình B, Kim Ngọc Thanh, Bùi Văn Ngọc về tội "Phá huỷ công trình, pH tiện quan trọng về an ninh quốc gia". Đến ngày 11/3/1992, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phú ra Quyết định khởi tố bị can đối với Đỗ Ngọc T về tội "Phá huỷ công trình, pH tiện quan trọng về an ninh quốc gia". Do T bỏ trốn nên ngày 15/3/1992, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phú ra Quyết

định truy nã T và ngày 30/5/1992 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với T. Còn hành vi phạm tội của Bùi Đình B, Kim Ngọc Thanh, Bùi Văn Ngọc đã được Toà án nhân dân tối cao xét xử trong bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992.

Đối với Đỗ Ngọc T: Sau khi biết B, Thanh, Ngọc bị bắt, T bỏ trốn vào tỉnh Đắk Lăk và sinh sống tại số 134, Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 1, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk. Đến ngày 24/10/2022, T bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P phát hiện, bắt giữ. Căn cứ Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến An ninh quốc gia, Văn bản số 3206/PCPT-TTBVPC+KT ngày 30/11/2022 của Công ty điện lực P, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội, do đó Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với T từ tội "Phá huỷ công trình, pH tiện quan trọng về an ninh quốc gia" sang tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Do bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992 của Toà án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật, nên lấy giá trị thiệt hại theo báo cáo bị hại được Toà án nhân dân tối cao chấp nhận trong bản án để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về tội "Trộm cắp tài sản". Như vậy, trong 12 vụ trộm cắp T đã thực hiện có 04 vụ giá trị tài sản thiệt hại trên 2.000.000 đồng là vụ thứ 2, vụ thứ 5, vụ thứ 7, vụ thứ 9 được Toà án chấp nhận trong bản án. Vụ thứ 6 và vụ thứ 8, Toà án không chấp nhận giá trị thiệt hại theo báo cáo của bị hại mà chỉ chấp nhận số tiền 9.467.000 đồng là giá trị thiệt hại chung của 04 vụ trong tổng số 22 vụ các đối tượng trộm cắp. Do đó, không tách được giá trị thiệt hại của 02 vụ T tham gia. Đối với các vụ khác, Toà án chấp nhận giá trị thiệt hại dưới 2.000.000 đồng nên không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xử lý. Như vậy, tổng giá trị tài sản T trộm cắp là: 15.932.000 đồng.

Đối với bà Bùi Thị Tiết (tên gọi khác Bùi Thị Hồng Hạnh là vợ của T): Năm 1993, sau khi T bỏ trốn, bà Tiết đưa con gái vào thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk để sinh sống cùng T. Bà Tiết biết việc T phạm tội nhưng không tố giác là có dấu hiệu phạm tội không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, đến nay thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết nên không đặt ra vấn đề xử lý đối với bà Tiết.

Tại Cáo trạng số: 34/CT-VKS-VT ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết trong Bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung

- Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/1991 đến tháng 02/1992, Đỗ Ngọc T cùng Bùi Đình B, Kim Ngọc Thanh, Bùi Văn Ngọc đã thực hiện 12 vụ trộm cắp dây truyền tải điện trên địa bàn thành phố V. Trong đó có 04 vụ xác định giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng, cụ thể: Khoảng 1 giờ ngày 19/12/1991, T cùng các đối tượng trộm cắp 160m dây điện loại AC35, 240m dây loại AC 95, 80m dây loại A25 của Hợp tác xã nông nghiệp Minh Nông, thành phố V trị giá 6.026.000 đồng; Khoảng 2 giờ ngày 25/12/1991 T cùng các đối tượng trộm cắp 240m dây loại AC50 của Hợp tác xã nông nghiệp Quế H, xã Dữu Lâu, thành phố V trị giá 2.862.000 đồng; rạng sáng ngày 07/01/1992 T cùng các đối tượng trộm cắp 312m dây AC95 và A25 của Hợp tác xã nông nghiệp Minh Nông, thành phố V trị giá 4.182.000 đồng; Khoảng 1 giờ ngày 26/01/1992, T cùng các đối tượng trộm cắp 640m dây AC50 trị giá 2.862.000 đồng của Hợp tác xã nông nghiệp Quế H, xã Dữu Lâu, thành phố V. Tổng giá trị tài sản T cùng đồng bọn trộm cắp là 15.932.000 đồng. Đây là vụ án phạm tội có tổ chức, T là người thực hành.

Bùi Đình B, Kim Ngọc Thanh, Bùi Văn Ngọc đã bị xét xử tại bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao. Bản án cũng đã tuyên về phần xử lý vật chứng của vụ án.

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Ngọc T phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo 04 lần trộm cắp đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Đỗ Ngọc Thạc đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;"

Bị cáo Đỗ Ngọc T sau khi biết B, Thanh, Ngọc bị bắt đã bỏ trốn vào tỉnh Đắk Lăk và sinh sống tại số 134, Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 1, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk. Đến ngày 24/10/2022, T bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P phát hiện, bắt giữ. Căn cứ Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến An ninh quốc gia, Văn bản số 3206/PCPT-TTBVPC+KT ngày 30/11/2022 của Công ty điện lực P, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội, do đó Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh P ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với T từ tội "Phá huỷ công trình, pH tiện quan trọng về an ninh quốc gia" sang tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

- Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý trực tiếp.

- Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và đã bị bắt theo Lệnh truy nã. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Đỗ Ngọc T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo T và vợ có 01 thửa đất diện tích 84m^2 tại thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk. Đây là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa phân chia nên không xác định khối tài sản riêng của bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự : Bản án số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định bị cáo Đỗ Văn T đã trốn thì nay các bị cáo còn lại phải có trách nhiệm bồi thường thay. Do vậy, về trách nhiệm dân sự đã được quyết định trong bản án hình sự số 03 ngày 05, 06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao nên trong vụ án này không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Đã được quyết định trong bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, trong bản án này không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Những nội dung khác:

- Đối với hành vi của Bùi Đình B, Kim Ngọc Thanh, Bùi Văn Ngọc đã bị xét xử tại bản án hình sự số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Đối với bà Bùi Thị Tiết, do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[7]. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

3. Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Ngọc T

5. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được quyết định trong bản án số 03 ngày 05,06/8/1992 của Tòa án nhân dân tối cao.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- CQCA TP. V, T. P;
- THAHS, DS TP. V, T. P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- UBND thị trấn K,
huyện K, tỉnh K;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh T